

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ hiện nay: ấp T, phường T, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Thái Văn N, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ hiện nay: ấp T, phường T, tỉnh Đồng Tháp). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2025, trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị H, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N cưới nhau vào năm 2000, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Hôn nhân do tự tìm hiểu trước, sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình nhà chồng được mấy năm, sau đó cất nhà

riêng ở xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu cũng hạnh phúc. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và tiền bạc, ông N đi làm trung bình được 1.000.000đ - 2.000.000đ/ngày nhưng giữ lại tiêu xài cá nhân, chỉ đưa cho bà mỗi ngày 300.000 đồng, không đủ tiền để chi tiêu trong gia đình, nuôi con ăn học, khi bà nói sẽ đi tìm việc làm để có tiền chi tiêu thì ông N lại không đồng ý, trong một lần vợ chồng cự cãi thì ông N còn đánh bà, bà không có báo chính quyền địa phương. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Không nhớ ngày tháng năm 2022 thì bà có làm đơn ly hôn với ông N 02 lần tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự nhưng ông N năn nỉ bà hàn gắn tình cảm nên bà rút đơn khởi kiện lại. Nhưng sau đó vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, cự cãi nhiều lần nên bà gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông N. Hiện bà và ông N vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống, không ăn cơm chung, không ngủ chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Thái Văn Nn Nu.

2. Về việc nuôi con: Bà và ông N chung sống có 02 con chung, con trai tên Thái Phi V, sinh ngày 29/3/2002 và con gái tên Thái Phi G, sinh ngày 06/01/2008. Đối với con chung Phi Vũ đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phi Giao và tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà có ghe chở hàng thuê, ai thuê gì chở nấy, thu nhập trung bình được khoảng 50.000.000 đồng/năm, ông N hiện làm công đoàn trưởng tại Công ty H1 thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng – 20.000.000 đồng/tháng, hàng ngày ông N đưa bà 300.000 đồng để phụ tiền sinh hoạt, nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà và ông N chung sống không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông Thái Văn N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông N vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông Thái Văn N. Về nuôi con chung: Con chung Thái Phi V đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được nên không đề cập đến, giao con chung Thái Phi G cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà H tự nguyện không yêu cầu. Về chia tài sản chung bà H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp yêu cầu giải quyết ly hôn giữa bà và ông Thái Văn N. Hiện ông N đang cư trú tại ấp T, phường T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Thái Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng ông N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N, bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Thái Văn N được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 11/5/2001 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Lê Thị H cho rằng bà và ông Thái Văn N chung sống với nhau có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và ông N còn đánh bà H, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai người đó sống. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau, nhiều lần Hội đồng xét xử động

viên, hòa giải cho bà H, ông N được đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn với ông N. Ông N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông N cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà H, điều này cho thấy ông N không có thiện chí để đoàn tụ với bà H. Nhận thấy hôn nhân giữa bà H, ông N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Thái Văn N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy đối với con chung Thái Phi V, sinh ngày 29/3/2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với con chung Thái Phi G, sinh ngày 06/01/2008 có nguyện vọng sống cùng bà H. Do đó, nghĩ nên giao con chung Phi Giao cho bà H được tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thái Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung Phi G do bà H tự nguyện không yêu cầu là phù hợp Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Về chia tài sản chung: Bà H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về nợ chung: Bà H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Lê Thị Hồng C 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0014732 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự (nay là Phòng Thi hành án dân sự 12 – Đồng Tháp) là phù hợp với quy định tại

khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H. Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Thái Văn N

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Thái Phi G, sinh ngày 06/01/2008 cho bà Lê Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Ông Thái Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Sau khi ly hôn, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng C 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0014732 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự (nay là Phòng Thi hành án dân sự 12 – Đồng Tháp).

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung